

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 24-7-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung,
tài sản chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Diễm

Ông Nguyễn Văn An

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, tài sản chung”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện Tr, tỉnh TN - Có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Chí H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện Tr, tỉnh TN - Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị M, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện Tr, tỉnh TN - Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc D trình bày:

Chị và anh H tự chung sống với nhau năm 2011, không tổ chức lễ cưới,

có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Tr năm 2014. Vợ chồng về sống chung với cha mẹ chồng tại ấp T, xã G, huyện Tr, tỉnh TN, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng không biết chăm lo cho vợ con, không phụ chi chăm sóc con, mặc dù chị đã khuyên can chồng nhiều lần nhưng chồng không thay đổi tính tình. Nên chị bỏ về nhà mẹ ruột sống. Sau khi chị bỏ đi thì chồng có đi theo về nhà cha mẹ ruột chị sống, nhưng chồng vẫn không thay đổi gì cả, đi làm về cũng không phụ chi lo cho con, mạnh ai nấy làm. Nên vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Anh H ở bên nhà chị được gần 02 tháng thì về nhà mẹ ruột sống đến nay. Sau khi anh H quay về nhà cha mẹ chồng thì vợ chồng không còn qua lại nữa. Cha mẹ hai bên cũng không có hòa giải cho vợ chồng. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với chồng nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Chí A, sinh ngày 28-10-2011, Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 07-08-2015, hiện nay hai cháu đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi hai con chung, yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Chị xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung đối với 01 chiếc xe Exciter; 01 con bò cái và 02 chỉ vàng 24k 99%. Chị yêu cầu chia đôi 10 chỉ vàng 24k 99% do mẹ chồng là bà Phan Thị M đang giữ.

Nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Nguyễn Chí H trình bày: Thống nhất lời trình bày của chị D về ngày tháng chung sống, con chung, nợ chung và thời gian ly thân là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh thì vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn gì cả, anh không biết lý do tại sao, tự nhiên vợ nói không muốn sống với anh nữa nên bỏ về nhà mẹ ruột sống. Sau khi vợ bỏ đi, anh cũng đi theo qua nhà vợ sống để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng vợ vẫn không nói chuyện với anh, vợ chồng mạnh ai nấy sống. Sau 02 tháng anh trở về nhà cha mẹ ruột sống đến nay. Sau đó, anh không có gặp vợ nữa. Cha mẹ hai bên cũng không có hòa giải cho vợ chồng lần nào. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H yêu cầu đoàn tụ. Tại phiên tòa anh đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi cháu Q, giao chị D nuôi cháu A, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh đồng ý chia đôi 10 chỉ vàng 24k 99%.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị M trình bày: Bà là mẹ ruột anh H, mẹ chồng chị D. Sau khi anh H và chị D kết hôn thì về chung sống với vợ chồng bà tại ấp T, xã G, huyện Tr, tỉnh TN. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị D đi làm đưa tiền cho bà chi phí trong gia đình, còn dư bà có mua cho vợ chồng anh H, chị D được 10 chỉ vàng 24k 99%, hiện bà đang giữ số vàng trên. Nay bà đồng ý trả lại cho vợ chồng chị D và anh H số vàng trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 55, 59, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc D và anh Nguyễn Chí H.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Chí A, sinh ngày 28-10-2011, Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 07-08-2015 cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A, cháu Q, mỗi cháu số tiền 800.000 đồng/ tháng.

- Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của của chị D đối với 01 chiếc xe Exciter; 01 con bò cái và 02 chỉ vàng 24k 99%. Ghi nhận anh H và chị D đồng ý chia đôi 10 chỉ vàng 24k 99%.

- Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị D và anh H chung sống với nhau vào năm 2011, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Tr năm 2014. Cuộc sống vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nguyên nhân do chị D cho rằng anh H không biết chăm lo cho gia đình, không phụ giúp chị chăm sóc con cái, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, từ mâu thuẫn nhỏ không giải quyết được dần dần hình thành nên mâu thuẫn lớn. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H xin được đoàn tụ, nhưng tại phiên tòa anh H đồng ý ly hôn với chị D. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh H theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung:* Hai con chung tên Nguyễn Chí A, sinh ngày 28-10-2011, Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 07-08-2015. Hiện nay hai cháu đang sống chung với chị D và chị D có yêu cầu được nuôi hai con. Qua làm việc với cháu

A, cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Tại phiên tòa, anh H yêu cầu được nuôi cháu Q. Tuy nhiên, xét cháu Q hiện đang sống với chị D và trong suốt thời gian vợ chồng ly thân anh H không phụ chị D chi phí nuôi con, cháu Q là nữ, còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A và cháu Q là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về việc cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị D yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định pháp luật. Xét thấy anh H là người không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị D. Mức cấp dưỡng mỗi cháu mỗi tháng số tiền 800.000 đồng.

[5] *Về tài sản chung*: Trong đơn khởi kiện chị D yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng gồm: 01 chiếc xe Exciter, 01 con bò cái, 12 chỉ vàng 24k 99% do mẹ chồng là bà Phan Thị M đang giữ. Tuy nhiên, sau đó chị D đã xin rút lại yêu cầu chia tài sản đối với 01 chiếc xe Exciter, 01 con bò cái, 02 chỉ vàng 24k 99% nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Về phần 10 chỉ vàng 24K 99%, anh H và bà M đều thừa nhận vợ chồng chị D, anh H có tài sản chung là 10 chỉ vàng 24k 99%, hiện do bà M đang giữ và bà M đồng ý giao trả lại cho chị D, anh H. Do đó, căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của chị D là 10 chỉ vàng 24k 99%.

10 (mười) chỉ vàng 24k 99%, giá vàng 24k 99% ngày 24/7/2019 là 3.935.600 đồng/chỉ, thành tiền 10 chỉ vàng 24k 99% là 39.356.000 đồng.

- Anh H được chia 05 (năm) chỉ vàng 24k 99, trị giá 19.678.000 đồng.

- Chị D được chia 05 (năm) chỉ vàng 24k 99%, trị giá 19.678.000 đồng.

Về nợ chung: Chị D, anh H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] *Án phí*: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Chị D, anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, 59, 81, 82, của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc D và anh Nguyễn Chí H.

2. Về con chung:

- Giao con chung là hai cháu Nguyễn Chí A, sinh ngày 28-10-2011 và Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 07-08-2015 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A, cháu Q, mỗi cháu mỗi tháng số tiền 800.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu A, cháu Q đủ 18 tuổi.

- Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung:

- Buộc bà Phan Thị M có nghĩa vụ phải giao cho chị D 05 chỉ vàng 24k 99%, trị giá 19.678.000 đồng.

- Buộc bà Phan Thị M có nghĩa vụ phải giao cho anh H 05 chỉ vàng 24k 99%, trị giá 19.678.000 đồng.

4. Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

5. Án phí:

- Chị Nguyễn Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và 983.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung; tổng cộng số tiền án phí chị D phải chịu là 1.283.900 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.162.500 (Một triệu một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017056 ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị D còn phải nộp thêm số tiền 121.400 (Một trăm hai mươi một nghìn bốn trăm) đồng.

- Anh Nguyễn Chí H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con và 983.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung. Tổng cộng số tiền án phí anh H phải chịu là 1.283.900 (Một triệu hai trăm tám mươi ba nghìn chín trăm) đồng.

5. Báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;
thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã Gia Lộc;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Như Thủy